

Số: 13/2017/QĐST-HNGĐ

ST, ngày 27 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa:

Chị Đinh Thị N; trú tại thôn ĐT, xã SD, huyện ST, tỉnh QNG.

Anh D; trú tại thôn ĐT, xã SD, huyện ST, tỉnh QNG.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điều 55 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Đinh Thị N, sinh năm: 1998 và bị đơn anh D, sinh năm: 1993.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị N và anh D thuận tình ly hôn với nhau.

* *Về con chung*: Chị Đinh Thị N và anh D công nhận có với nhau một con chung tên là D, sinh ngày 01/4/2016. Khi ly hôn chị N và anh D thỏa thuận giao cháu D, sinh ngày 01/4/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

* *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D, sinh ngày 01/4/2016 hằng tháng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu D, sinh ngày 01/4/2016 đủ 18 tuổi.

Chị Đinh Thị N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở.

* *Về tài sản riêng, chung và các khoản nợ chung:* Không có, không yêu cầu.

* *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Chị N phải nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

* *Về án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm:* 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Đinh Thị N thỏa thuận nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/02696 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh QNG. Chi cục thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh QNG hoàn trả lại cho chị Đinh Thị N số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Quyết định (Bản án) có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền được thi hành án, nếu chậm trả chịu lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã SD;
- Chi cục THADS huyện ST;
- VKSND huyện ST;
- TAND tỉnh QN;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Ánh T